

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 8 - 2022.

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mạc Minh Quang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đức Hạnh và bà Dương Thị Kim Hồng.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Quốc Phong - Thư ký TAND tỉnh Hải Dương.

**-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:**  
Ông Phạm Văn Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở TAND tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 152/2022/TLST-HNGĐ ngày 25/5/2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 180/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 120/2022/QĐST-HNGĐ ngày 27/7/2022 giữa các đương sự:

\* **Nguyên đơn:** Chị **Tăng Thị N**, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn LC, xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

\* **Bị đơn:** Anh **Phan Nhật Đ**, sinh 1993, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn LC, xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương; Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

- *Người làm chứng:* Ông **Phan Nhật T**, sinh năm 1970, địa chỉ: Thôn LC, xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương.

Chị N, anh Đ và ông T đều vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai chị **Tăng Thị N** trình bày: Chị và anh **Phan Nhật Đ** tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào năm 25/01/2019. Sau ngày cưới, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung được khoảng nửa tháng thì anh Đ sang lao động tại Đài Loan, còn chị sinh sống tại gia đình chồng và lao động tự do tại địa phương. Tháng 01/2020, anh Đ về Việt Nam khoảng 02 tháng sau đó tiếp tục sang Đài Loan lao động, từ đó chị và anh Đ ít liên lạc với nhau và bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng sống xa cách, nghi ngờ nhau về sự chung thủy, không còn tin tưởng nhau

nên thường xuyên xảy ra cãi vã, tình cảm lạnh nhạt, cả hai đều không tìm biện pháp gì để hàn gắn mâu thuẫn nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đ để sớm ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Chị xác định vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh Đ tại Đà Loan vì chị không còn liên lạc với anh Đức.

- Ông Phan Nhật T là bố đẻ anh Đức trình bày: Anh Đ và chị N tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào đầu năm 2019. Sau khi kết hôn, anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đà Loan, chị N sinh sống tại gia đình ông. Đầu năm 2020, anh Đ về Việt Nam khoảng 02 tháng rồi lại tiếp tục đi Đà Loan làm việc, từ đó anh chị xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng sống xa cách mỗi người sống một nơi và nghi ngờ nhau về tình cảm vợ chồng, chị N đã về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống, còn anh Đ vẫn đang làm việc tại Đà Loan, không muốn về chung sống với chị N. Sau khi nhận thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản của Tòa án, ông đã thông báo qua điện thoại cho anh Đ biết về việc chị N làm đơn xin ly hôn. Anh Đ không cung cấp cho gia đình biết địa chỉ cụ thể, nay chưa thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn được và không trình bày ý kiến bằng văn bản gửi về cho Tòa án, tuy nhiên anh Đ có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, không muốn níu kéo cuộc sống chung với chị N nên nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn theo pháp luật; Về con chung: Không có; Về tài sản: Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại công văn số 11912/QLXNC-P5 ngày 09/06/2022 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ Công an xác định anh Phan Nhật Đ, sinh ngày 22/12/1993 đã sử dụng hộ chiếu số B8233446 để xuất cảnh ngày 06/3/2020 qua cửa khẩu Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm xác định việc chấp hành tổ tụng của những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo quy định của pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tăng Thị N được ly hôn anh Phan Nhật Đ. Về con chung: Không có. Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; Về án phí: Chị N là nguyên đơn phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Tăng Thị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có đề nghị giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị N.

Anh Phan Nhật Đ là bị đơn trong vụ án là người Việt Nam đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, tuy nhiên anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc với người thân ở trong nước. Tòa án đã yêu cầu chị N và ông T (bố đẻ anh Đ) cung cấp địa chỉ của anh Đ nhưng không cung cấp được nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tòa án đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Đ vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N, anh Đ tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/01/2019. Do đó hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng tổ chức cuộc sống chung được khoảng nửa tháng thì anh Đ đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, còn chị N sinh sống tại gia đình nhà chồng. Năm 2020, anh Đ về thăm gia đình thời gian khoảng 02 tháng lại tiếp tục đi lao động tại Đài Loan, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do nghi ngờ sự chung thủy, không còn liên lạc và quan tâm đến cuộc sống của nhau, đến nay chị N đã về gia đình bố mẹ đẻ ở, còn anh Đ vẫn đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Thông qua gia đình, anh Đ cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên sống xa nhau nên không có sự tin tưởng trong cuộc sống, không muốn quay về chung sống với chị N nên nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị N được ly hôn anh Đ là phù hợp.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tăng Thị N được ly hôn anh Phan Nhật Đ.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Tăng Thị N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương theo biên lai thu số AA/2021/0000380 ngày 25/5/2022. (chị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn).

5. Về quyền kháng cáo: Chị N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh Đ đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã TL, huyện TH, tỉnh Hải Dương  
(để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Mạc Minh Quang**